

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2024

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Hoàng Xuân Thảo

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 483/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T.K.C, sinh năm 1973

Địa chỉ: Đường P, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông N.H.T, sinh năm 1959

Địa chỉ: Đường P, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn ly hôn đề ngày 10/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T.K.C trình bày:

Bà và ông N.H.T trước khi đi đến hôn nhân, có tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 2 – 3 năm rồi sau đó cả hai tổ chức đám cưới và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, Quyền số 01/1997 ngày 08/3/1997. Sau khi cưới, vợ chồng ông bà chung sống tại Đường P, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống, bà thấy bình thường đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã hòa giải nhưng

không thành. Nguyên nhân là do không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T không quan tâm đến các con cũng như không quan tâm đến cuộc sống chung của các thành viên trong gia đình. Hiện tại, ông bà vẫn còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên N.T.H.A sinh ngày 25/11/1997 (đã thành niên) và con N.T.T.A sinh ngày 30/6/2008. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con N.T.T.A và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà T.K.C: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông N.H.T: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn bà T.K.C là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà T.K.C yêu cầu ly hôn với bị đơn ông N.H.T có nơi cư trú tại Quận B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.2.1]. Tại Đơn xin xử ly hôn vắng mặt đề ngày 04/4/2024, nguyên đơn bà T.K.C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có sự tham gia của Bà. Qua đó, Bà xác định: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N.H.T. Về con chung: Có 02 con chung tên N.T.H.A sinh ngày 25/11/1997 (đã thành niên) và con N.T.T.A sinh ngày 30/6/2008. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con N.T.T.A và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt bà C.

[1.2.2]. Bị đơn ông N.H.T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia

phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận B tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.K.C:

Bà T.K.C và ông N.H.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25, Quyền số 01/1997. Vì vậy, căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2.1]. Về yêu cầu ly hôn:

Theo bà T.K.C trình bày, trước khi đi đến hôn nhân ông bà có tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 2 – 3 năm rồi sau đó cả hai tổ chức đám cưới và tự nguyện kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng ông bà chung sống tại Đường P, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống bà thấy bình thường đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã hòa giải nhưng không thành. Nguyên nhân là do không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T không quan tâm đến các con cũng như không quan tâm đến cuộc sống chung của các thành viên trong gia đình. Hiện tại, ông bà vẫn còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Tại kết quả xác minh Ủy ban nhân dân Phường S, Quận B trả lời Văn bản số 77/TAQ3 ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân Quận B về việc xác minh tình trạng mâu thuẫn hôn nhân và gia đình của đương sự, thể hiện:

“1/. Ủy ban nhân dân phường không có tiếp nhận đơn đề nghị hòa giải của bà C và ông T, không có thông tin mâu thuẫn giữa hai người;

2/. Qua tra cứu cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, bà C và ông T có 02 người con là N.T.H.A và N.T.T.A.”

Tuy nhiên, xét lời trình bày của bà C và các tài liệu chứng cứ gửi kèm, Hội đồng xét xử xét thấy: Đã một thời gian dài, bà và ông T không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ngày 04/5/2023, bà C đã có đơn khởi kiện ly hôn ông T nhưng dưới sự phân tích, hòa giải, động viên của Tòa án, bà C đã rút đơn khởi kiện ly hôn ông T với mục đích tạo điều kiện cho ông T có thêm cơ hội sửa đổi để hai vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ (căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 112/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 của TAND Quận B) nhưng ông T vẫn không thay đổi nên sau đó bà C đã có đơn khởi kiện ly hôn ông T lại. Điều này cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông T không thỏa được điều kiện mà luật đã quy định, cụ thể tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định như sau: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....*”. Mặt khác, ông T đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến nêu nguyện vọng của mình, chứng tỏ ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được....”. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà C yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Bản tự khai ngày 10/01/2024 của con N.T.T.A, sinh ngày 30/6/2008 thì trẻ có nguyện vọng được sống với mẹ. Mặt khác, bà C yêu cầu được nuôi con N.T.T.A, ông T vắng mặt không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà C về việc giao con N.T.T.A cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T.K.C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.K.C:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T.K.C được ly hôn ông N.H.T.

- Về con chung: Giao con N.T.T.A, sinh ngày 30/6/2008 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông N.H.T được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng, bà T.K.C phải chịu và được tính căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số 0001000 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T.K.C đã nộp đủ án phí.

3/. Về quyền kháng cáo: Bà T.K.C, ông N.H.T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3, TP.HCM;
- UBND X. Đông Hưng Thuận, H. Hóc Môn (nay là UBND P. Đông Hưng Thuận, Q.12), TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phượng